TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 14/2024/QĐST - HNGĐ	*Y, ngày 07 tháng 02 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 01/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Tạ Thị Thanh B, sinh năm 1975, nơi cư trú: Thôn Y1, xã G, huyện Y, tỉnh Hưng Yên;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1975 ở thôn X, xã X, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Hiện đang chấp hành án tại đội 28, phân trại số 1 – Trại giam, Thanh Xuân, địa chỉ: xã M, huyện X, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 01 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Tạ Thị Thanh B và anh Nguyễn Văn P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị Thanh B và anh Nguyễn Văn P thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Tạ Thị Thanh B và anh Nguyễn Văn P có cháu Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 26/4/2001 và cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 20/01/2007. Chị B và anh P thoả thuận, giao cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng cháu L đến khi cháu L thành niên hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị B. Cháu D đã thành niên nên chị B và anh P đều không yêu cầu Toà án giải quyết về nuôi dưỡng.

Các bên có quyền thăm nom, chăm sóc con chung và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật khi cần thiết.

2.3. Về công nợ, tài sản: Chị Tạ Thị Thanh B và anh Nguyễn Văn P không có nợ chung, đều không đề nghị Toà án giải quyết về quan hệ tài sản.

2.4. Về án phí: Chị Tạ Thị Thanh B tự nguyện chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001449 ngày 05/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y. Trả lại chị Tạ Thị Thanh B số tiền 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã X (nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đào Thị Thu Hương